TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK HÀ** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 120/2018/QĐST-HNGĐ	*Đăk Hà, ngày 30 tháng 10 năm 2018.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 133/2018/TLST – HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2018, giữa :

Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1991. Địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện A, tỉnh Hà Tĩnh.

Bị đơn: Anh Luân Văn T1, sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn X, xã N, huyện H, tỉnh Kon Tum.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 55, 81,82 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 10 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 10 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lê Thị T và anh Luân Văn T1.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Luân Văn T1 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Hai vợ chồng xác nhận có một con chung và thỏa thuận như sau:

Giao cháu Luân Lê Thảo N, sinh ngày 26/9/2011 cho Lê Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Anh Luân Văn T1 có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho cháu Luân Lê Thảo N mỗi tháng là 500.000 đ *(Năm trăm ngàn đồng)* kể từ ngày 01/11/2018, theo phương thức đóng 06 tháng một lần cho đến khi cháu Nguyên đủ 18 tuổi.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không cố định. Anh Luân Văn T1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, mà người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dung Điều 144, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3; Điều 6; Điều 18; Điểm a, khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 21/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Án phí dân sự sơ thẩm là: *(Thuận tình ly hôn)* là 150.000 đ *(Một trăm năm mươi ngàn đồng)* các đương sự phải chịu, chị Lê Thị T nhận chịu.

Anh Luân Văn T1 phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng là 150.000 đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng), chị T nhận chịu cho anh T1.

Tổng án phí dân sự sơ thẩm chị Lê Thị T phải nộp là 300.000 đ *(Ba trăm ngàn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị T đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai số AA/2010/0009468 ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum; chị Lê Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dấn sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án cấp cao tại Đà Nẵng
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện;
- Các đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Vũ Thị Hồng Dung